

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 36/2018/HNGĐ-PT

Ngày : 10 - 8 - 2018

V/v tranh chấp tài sản sau ly hôn và yêu
cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn
Ông Võ Công Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2017/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp tài sản sau ly hôn và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 189/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 230/2018/QĐPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà A – Sinh năm: 1978; (CM)

Địa chỉ: ĐS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ông B – Sinh năm: 1972; (CM)

Địa chỉ: ĐS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông C - Sinh năm: 1941 và chị D - Sinh năm: 1984; đồng trú tại: ĐS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định. (CM)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông E – Luật sư đang hoạt động tại Văn phòng Luật sư PL – QN thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định. (CM)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông F - Sinh năm: 1946; (VM)

Bà G - Sinh năm: 1949; (CM)

Đồng trú tại: ĐS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Chị H - Sinh năm: 1970; (VM)

Trú tại: Thôn T, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông I - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P. (VM)

4. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo pháp luật: Ông K - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định. (VM)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Bà A và bị đơn Ông B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn Bà A trình bày:*

Từ năm 1995 đến năm 2012, trong thời kỳ hôn nhân, bà và Ông B cùng nhau tạo lập các tài sản chung sau đây:

- 01 ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

Riêng thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định đã được Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND huyện P) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00678 ngày 26/4/2012 là tài sản riêng của Bà A vì thửa đất nói trên có nguồn gốc là của cha mẹ bà là Ông F và Bà G cho riêng bà.

- Các tài sản khác gồm:

+ 01 xe mô tô loại xe đăm lên đời 86 mang biển kiểm soát 77-860AA;

+ 01 xe mô tô hiệu AIRBLADE mang biển kiểm soát 77N2-7414;

+ 01 xe mô tô hiệu WAVE mang biển kiểm soát 77M7- 7491;

+ 01 bầu hơi bơm xe;

+ 01 tủ lạnh hiệu SANYO;

+ 01 máy giặt hiệu TOSHIBA;

+ 01 máy tắm nóng lạnh hiệu SHEWER PLUS;

- + 01 tủ kem hiệu FUNIKI;
- + 01 tủ để chén, bình ly làm bằng gỗ tạp, có kính;
- + 01 tủ kiểu làm bằng gỗ, có kính;
- + 01 bộ bàn ghế gỗ gồm: 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế ngắn;
- + 01 ti vi hiệu PANASONIC 21 inches;
- + 01 hàng tạp hóa gồm mì tôm, nước ngọt, xà phòng...;
- + dụng cụ đồ nghề ông B sửa xe Honda;
- + 01 đầu âm ly hiệu PEACE và 01 đầu đĩa hiệu CALIF NICE;
- + 01 màn hình máy vi tính hiệu SAMSUNG VÀ 01 đầu CPU hiệu ZIP;
- + 01 máy bơm nước.

Về nợ chung của Bà A và ông B:

- Nợ Ông F và Bà G 50.000.000 đồng và 10 chỉ vàng y 9999;
- Nợ chị H 10.000.000 đồng;
- Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện P 1.600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi vay từ ngày 10/02/2012 cho đến khi bà, ông B trả hết tiền nợ gốc.

Ngoài ra, bà và ông B không có tài sản chung, nợ chung nào khác.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án tiến hành phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng theo quy định; riêng thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định là tài sản riêng của bà nên không được phân chia.

Ngoài ra, bà không đồng ý đối với yêu cầu độc lập của Ông B về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00678 ngày 26/4/2012 do UBND huyện P thực hiện việc cấp đổi cho Bà A tại thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên được cấp theo đúng quy định và thửa đất nói trên là tài sản riêng của bà. Ngoài ra, bà không có yêu cầu hoặc trình bày nào khác.

2. Bị đơn Ông B và những người đại diện theo ủy quyền của ông B là Ông C, chị D thống nhất trình bày như sau:

- Về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Ông thống nhất như phần trình bày của Bà A.

Riêng đối với thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00678 ngày 26/4/2012 có nguồn gốc là của cha mẹ Bà A là Ông F và Bà G cho riêng Bà A vào năm 2005. Trong

quá trình chung sống, Bà A thống nhất để vợ chồng cùng xây dựng nhà trên thửa đất nói trên và khi tiến hành làm thủ tục cấp đổi lại sổ đỏ theo dự án VLAP thì Bà A cũng tự nguyện đăng ký thửa đất đứng tên hai vợ chồng. Tuy nhiên, khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, trong thời gian Bà A gửi đơn ly hôn đến Tòa án thì Bà A đã đến Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định (viết tắt là UBND thị trấn P) thay đổi nội dung đăng ký thửa đất chỉ đứng tên một mình Bà A. Ông đã có đơn khiếu nại đến UBND thị trấn P và UBND thị trấn P đã có kết luận tạm dừng việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất nói trên. Tuy nhiên, ngày 26/4/2012, UBND huyện P đã thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00678 đối với thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định cho Bà A là không đúng quy định. Do đó, ông đã có yêu cầu độc lập yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên vì thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định là tài sản chung của vợ chồng.

- Về nợ chung của vợ chồng:

+ Nợ Ông F và Bà G 50.000.000 đồng;

+ Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện P 1.600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi vay từ ngày 10/02/2012 cho đến khi ông, Bà A trả hết tiền nợ gốc.

Ông không thừa nhận nợ của chị H 10.000.000 đồng và nợ Ông F, Bà G 10 chỉ vàng y 9999 như trình bày của Bà A. Ngoài ra, ông không có yêu cầu hoặc trình bày nào khác.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông F và Bà G thống nhất trình bày:

Ông F và Bà G là cha mẹ ruột của Bà A. Tháng 12/2005, vợ chồng ông, bà có cho riêng Bà A thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định để xây dựng nhà ở. Do đó, ông B yêu cầu phân chia thửa đất nói trên là không phù hợp vì thửa đất nói trên là tài sản riêng của Bà A.

Ngày 19/4/2008, vợ chồng Bà A, ông B có mượn của vợ chồng ông, bà số tiền 50.000.000 đồng để làm nhà. Ngày 22/9/2010, vợ chồng Bà A, ông B tiếp tục mượn của vợ chồng ông, bà 10 chỉ vàng 9999 để mua xe. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông và bà đã có đơn yêu cầu vợ chồng Bà A, ông B có nghĩa vụ phải trả số tiền 50.000.000 đồng và 10 chỉ vàng 9999.

Sau khi Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định có hiệu lực pháp luật, Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định tiến hành thi hành án và đã giao cho ông, bà đủ số tiền mà ông B có nghĩa vụ phải trả là 47.400.000 đồng (trương

đương 30.800.000 đồng và 05 chỉ vàng y 9999) và Bà A cũng đã tự nguyện trả số tiền 35.800.000 đồng (tương đương 19.200.000 đồng và 05 chỉ vàng y 9999).

Do đó, ông, bà không có ý kiến gì đối với tranh chấp của Bà A, ông B và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, ông và bà không có yêu cầu hoặc trình bày nào khác.

3.2. Ông I - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P trình bày:

Ngày 30/7/2008, vợ chồng Bà A và Ông B có vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P số tiền 4.000.000 đồng, lãi suất 0,9%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 30/7/2013, mục đích vay là xây dựng nhà vệ sinh. Bà A, ông B đã trả được số tiền gốc và tiền lãi là 3.492.960 đồng; còn nợ tiền gốc vay là 1.600.000 đồng và tiền lãi vay từ ngày 10/02/2012 cho đến khi Bà A, ông B trả hết tiền nợ gốc.

Sau khi Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định có hiệu lực pháp luật, Bà A đã trả hết tiền gốc và tiền lãi số tiền là 1.635.520 đồng (bao gồm 1.600.000 đồng tiền gốc và 35.520 đồng tiền lãi vay) cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P.

Do đó, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P không có ý kiến gì đối với tranh chấp của Bà A, ông B và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P không có yêu cầu hoặc trình bày nào khác.

3.3. Chị H trình bày:

Trước đây, vợ chồng Bà A, Ông B có mua hàng tạp hóa của bà và còn nợ của số tiền là 10.000.000 đồng; sau khi Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định có hiệu lực pháp luật, Bà A đã trả hết số tiền nói trên cho bà.

Do đó, bà không có ý kiến gì đối với tranh chấp của Bà A, ông B và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà không có yêu cầu hoặc trình bày nào khác.

3.4. Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định, Ông L - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P trình bày:

Thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² (bao gồm 50m² đất ở và 50m² đất hàng năm khác) tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định nay là thửa đất số 45, tờ bản đồ 13, diện tích 103,5m² (bao gồm 50m² đất ở và 53,5m² đất hàng năm khác - đo đạc theo dự án VLAP) đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà A vào năm 2005.

Ngày 25/6/2011, Bà A thực hiện việc đăng ký kê khai cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất nói trên. Ngày 30/3/2012, Văn phòng đăng ký

đất đai Chi nhánh huyện P đã tiến hành thẩm định hồ sơ của Bà A theo quy định. Sau khi xem xét, nhận thấy hồ sơ yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bà A đủ điều kiện, UBND huyện P đã tiến hành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 307771, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00678 ngày 26/4/2012.

Việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bà A theo dự án VLAP năm 2012 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về đất đai. Vì vậy, UBND huyện P không đồng ý với yêu cầu độc lập của ông B về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00678 ngày 26/4/2012 do UBND huyện P thực hiện việc cấp đổi cho Bà A tại thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

**/- Các bản án dân sự sơ thẩm, phúc thẩm, quyết định giám đốc thẩm Tòa án nhân dân các cấp đã xét xử và quá trình thi hành án đối với quyết định của bản án về phần tranh chấp chia tài sản chung của Bà A, Ông B đã có hiệu lực của Tòa án:*

1. Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 54/2012/HNGĐ-ST ngày 08/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định đã tuyên xử:

- Giao cho Bà A được nhận sở hữu các tài sản gồm:

+ Công nhận thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định là tài sản riêng của Bà A và Bà A được trọn quyền sử dụng thửa đất nói trên.

+ Giao cho Bà A được quyền sở hữu 01 ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

+ Giao cho Bà A được quyền sở hữu các tài sản khác bao gồm: 01 xe mô tô hiệu AIRBLADE mang biển kiểm soát 77N2-7414; 01 tủ lạnh hiệu SANYO; 01 máy giặt hiệu TOSHIBA; 01 máy tắm nóng lạnh hiệu SHEWER PLUS; 01 tủ kem hiệu FUNIKI; 01 tủ để chén, bình ly làm bằng gỗ tạp, có kính; 01 tủ kiểu làm bằng gỗ, có kính; 01 bộ bàn ghế gỗ gồm: 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế ngắn; 01 ti vi hiệu PANASONIC 21 inches; 01 hàng tạp hóa gồm mì tôm, nước ngọt, xà phòng...; 01 đầu âm ly hiệu PEACE và 01 đầu đĩa hiệu CALIF NICE; 01 màn hình máy vi tính hiệu SAMSUNG VÀ 01 đầu CPU hiệu ZIP và 01 máy bơm nước. Tổng giá trị các tài sản giao Bà A sở hữu là 184.379.902 đồng.

- Giao cho Ông B được sở hữu các tài sản gồm: 01 xe mô tô loại xe đăm lên đời 86 mang biển kiểm soát 77-860AA; 01 xe mô tô hiệu WAVE mang biển kiểm soát 77M7- 7491; 01 bầu hơi bơm xe; dụng cụ đồ nghề ông B sửa xe Honda. Tổng giá trị các tài sản giao ông B nhận sở hữu là 13.800.000 đồng.

- Buộc Bà A có nghĩa vụ trả cho:

+ Ông B: 85.289.951 đồng.

- + Vợ chồng Ông F và Bà G: 19.200.000 đồng và 05 chỉ vàng y 9999;
- + Chị H: 10.000.000 đồng;
- + Ngân hàng chính sách xã hội huyện P 1.600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi vay từ ngày 10/02/2012 cho đến khi bà A trả hết tiền nợ gốc.
- Buộc ông B có nghĩa vụ trả cho vợ chồng Ông F và Bà G 30.800.000 đồng và 05 chỉ vàng y 9999.
- Về án phí dân sự sơ thẩm:
- + Bà A phải chịu 2.477.248 đồng.
- + Ông B phải chịu 4.954.497 đồng.
- Về chi phí định giá tài sản: 1.500.000 đồng; Bà A phải chịu 750.000 đồng, ông B có nghĩa vụ thôi lại cho Bà A số tiền 750.000 đồng.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ông B có đơn kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định có quyết định kháng nghị đề nghị sửa một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm nói trên.

2. Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về phần án phí dân sự phúc thẩm, chi phí định giá như sau:

- Chi phí định giá: 3.500.000 đồng; ông B phải chịu 1.750.000 đồng (đã nộp xong); Bà A phải chịu 1.750.000 đồng, Bà A đã nộp 1.500.000 đồng (ở giai đoạn xét xử sơ thẩm) nên Bà A có nghĩa vụ hoàn lại cho ông B 250.000 đồng.
- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông B phải chịu 200.000 đồng; được trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005328 ngày 15/5/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định.

3. Thi hành án Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định có hiệu lực pháp luật:

Chi cục Thi hành án dân sự huyện P đã tiến hành thi hành án bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm nói trên cụ thể như sau:

- Ngày 24/4/2014, Bà A đã nộp 85.539.951 đồng (bao gồm tiền Bà A thôi lại phần giá trị tài sản chênh lệch cho ông B 85.289.951 đồng và 250.000 đồng tiền Bà A thôi lại chi phí định giá cho ông B) theo biên lai thu tiền số 003889 ngày 24/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P để đảm bảo thi hành án.

- Trên cơ sở số tiền 85.539.951 đồng mà Bà A đã nộp để đảm bảo thi hành án cho ông B, Chi cục Thi hành án dân sự huyện P đã tiến hành khấu trừ tiền như sau:

+ Trả cho Ông F và Bà G: 47.400.000 đồng (tương đương 30.800.000 đồng và 05 chỉ vàng y 9999).

+ Trả cho Bà A chi phí cấp dưỡng nuôi con: Lần 1 (Bà A nhận ngày 01/7/2014) là 11.000.000 đồng và lần 2 (Bà A nhận ngày 27/8/2014) là 5.000.000 đồng.

+ Chi trả tiền án phí dân sự sơ thẩm: 4.954.497 đồng.

+ Thu tiền phí thi hành án của ông B lần 1 là 1.923.135 đồng và lần 2 là 643.064 đồng; tổng cộng là 2.566.199 đồng.

+ Trả cho Bà A tiền định giá tài sản: 750.000 đồng (quyết định thi hành án số tiền nói trên đã bị thu hồi theo các Quyết định 36/QĐ-CCTHADS ngày 31/7/2017 và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P sẽ có nghĩa vụ thu hồi của Bà A để trả lại cho ông B)

+ Số tiền còn lại 13.869.255 đồng do ông B không nhận nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện P đã chỉ gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh PT.

Ngoài ra, Bà A đã tự nguyện thi hành án Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định cụ thể như sau:

- Trả cho vợ chồng Ông F và Bà G số tiền 19.200.000 đồng và 16.600.000 đồng (tương đương 05 chỉ vàng y 9999);

+ Trả cho chị H: 10.000.000 đồng;

+ Trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện P: 1.635.520 đồng (bao gồm 1.600.000 đồng tiền gốc và 35.520 đồng tiền lãi vay);

+ Chi trả tiền án phí dân sự sơ thẩm: 2.477.248 đồng;

+ Phí thi hành án: 1.422.000 đồng.

Phí thi hành án của Ông F, Bà G: 1.422.000 đồng (đã nộp xong)

4. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 436/2014/DS-GĐT ngày 19/11/2014, Hội đồng giám đốc thẩm Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao quyết định: Hủy Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và hủy Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 54/2012/HNGĐ-ST ngày 08/5/2012 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

5. Sau khi nhận lại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định đã tiến hành thụ lý, giải quyết lại vụ án theo quy định.

Trong quá trình giải quyết, đương sự có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định đã có Quyết

định chuyển hồ sơ vụ án dân sự số 58/2017QĐ-TA ngày 28/3/2017 chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định để xét xử theo thẩm quyền.

6. Ngày 24/4/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định có Phiếu chuyển số 2732/PC-TA về việc chuyển hồ sơ vụ án nói trên cho Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định để tiếp tục giải quyết vụ án theo thẩm quyền.

**/- Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 189/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định đã quyết định:*

1. Công nhận tài sản chung của Bà A và Ông B gồm có những tài sản sau:

- 01 ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 45, tờ bản đồ 13, diện tích 103,5m² (50m² đất ở và 53,5m² đất hàng năm khác, bản đồ địa chính đo đạc theo dự án VLAP) tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định (kể cả công trình phụ, tường rào); ngôi nhà có giá trị 182.348.900 đồng được trừ giá trị các hạng mục Bà A xây dựng sau ly hôn là 12.289.000 đồng, còn lại 170.059.900 đồng; thửa đất có giá trị 200.000.000 đồng.

- Các tài sản khác gồm: 01 chiếc xe mô tô loại xe đăm lên đời 86 biển số 77-860AA, 01 chiếc xe mô tô hiệu AIRBLADE biển số 77N2-7414, 01 chiếc xe mô tô hiệu WAVE biển số 77M7- 7491, 01 bầu hơi bơm xe, 01 tủ lạnh hiệu SANYYO, 01 máy giặt hiệu TOSHIBA, 01 máy tắm nóng lạnh hiệu Shower Plus, 01 tủ kem hiệu Funiki, 01 tủ để chén, bình ly làm bằng gỗ tạp, có kính, 01 tủ kiểu làm bằng gỗ, có kính, 01 bộ bàn ghế gỗ gồm: 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế ngắn. , 01 ti vi hiệu Panasonic 21 in, 01 hàng tạp hóa gồm mì tôm, nước ngọt, xà phòng..., dụng cụ đồ nghề Ông B sửa xe honda, 01 đầu âm ly hiệu PEACE, 01 đầu đĩa hiệu Calif Nice, 01 màn hình máy vi tính hiệu Samsung, 01 đầu CPU hiệu Zip và 01 máy bơm nước: 54.600.000 đồng.

Tổng cộng: 424.659.900 đồng.

2. Giao cho Bà A được sở hữu một ngôi và quyền sử dụng thửa đất số 45, tờ bản đồ 13, diện tích 103,5m² (50m² đất ở và 53,5m² đất hàng năm khác) tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P và các tài sản: 01 chiếc xe mô tô hiệu AIRBLADE biển số 77N2-7414, 01 tủ lạnh hiệu SANYYO, 01 máy giặt hiệu TOSHIBA, 01 máy tắm nóng lạnh hiệu Shower Plus, 01 tủ kem hiệu Funiki, 01 tủ để chén, bình ly làm bằng gỗ tạp, có kính, 01 tủ kiểu làm bằng gỗ, có kính, 01 bộ bàn ghế gỗ gồm: 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế ngắn. , 01 ti vi hiệu Panasonic 21 in, 01 hàng tạp hóa gồm mì tôm, nước ngọt, xà phòng..., 01 đầu âm ly hiệu PEACE, 01 đầu đĩa hiệu Calif Nice, 01 màn hình máy vi tính hiệu Samsung, 01 đầu CPU hiệu Zip và 01 máy bơm nước. Tổng giá trị các tài sản giao Bà A nhận sở hữu là 410.859.900 đồng.

3. Giao cho Ông B được nhận sở hữu các tài sản gồm: 01 chiếc xe mô tô loại xe đăm lên đời 86, biển số 77-860AA, 01 chiếc xe mô tô hiệu WAVE, biển số 77M7- 7491, 01 bầu hơi bơm xe, dụng cụ đồ nghề ông B sửa xe Honda. Tổng giá trị các tài sản giao Ông B nhận sở hữu là 13.800.000 đồng.

4. Bà A phải thối lại cho Ông B giá trị tài sản chênh lệch là 165.195.950 đồng, nhưng được trừ số tiền 85.289.951 đồng phần giá trị tài sản chênh lệch Bà A đã thi hành cho Ông B theo Bản án số: 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định tại biên lai thu tiền số 003889 ngày 24/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Như vậy, Bà A còn phải thối cho Ông B số tiền 79.905.999 đồng.

5. Ông B và Bà A nợ những người sau:

- Nợ vợ chồng Ông F, Bà G 50.000.000 đồng và 10 chỉ vàng y 9999.
- Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam 1.600.000 đồng gốc và lãi vay.
- Nợ chị H 10.000.000 đồng.

Tổng số nợ là 61.600.000 đồng và 10 chỉ vàng y 9999.

6. Ông B và Bà A mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số nợ là: 30.800.000 đồng và 05 chỉ vàng y 9999.

- Bà A có trách nhiệm trả nợ cho những người sau: Trả cho chị H 10.000.000 đồng; trả cho Ngân hàng chính sách xã hội 1.600.000 đồng gốc vay và lãi vay; trả cho vợ chồng Ông F, Bà G 05 chỉ vàng y 4 số 9 và 19.200.000 đồng. Nhưng được trừ số tiền Bà A đã trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P 1.635.520 đồng tiền gốc và lãi theo phiếu thu ngày 23/11/2012 của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện P; trừ số tiền Bà A đã trả cho chị H Nguyệt 10.000.000 đồng, theo giấy nhận tiền ngày 10/12/2014 của chị H; trừ số tiền và vàng Bà A đã trả cho Ông F, Bà G 05 chỉ vàng y 4 số 9 và 19.200.000 đồng, theo giấy nhận tiền ngày 01/7/2014 của Ông F, Bà G mà Bà A thi hành nghĩa vụ theo Bản án số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Ông B có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng Ông F, Bà G 30.800.000 đồng và 05 chỉ vàng y 9999. Nhưng được trừ số tiền: 47.400.000 đồng (05 chỉ vàng y 9999 tương đương 16.600.000 đồng thời điểm ngày 01/7/2014) mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện P khấu trừ trong số tiền: 85.539.951 đồng Bà A trả cho Ông B tại Quyết định số 14/QĐ- CCTHA ngày 01/7/2014 để trả cho Bà G, Ông F theo phiếu chi ngày 01/7/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Như vậy, các khoản nợ mà Ông B, Bà A có trách nhiệm trả cho chị H, Ngân hàng chính sách xã hội và vợ chồng Ông F, Bà G đã được thanh toán xong.

7. Không chấp nhận yêu cầu của Ông B về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00678 ngày 26/4/2012 mà UBND huyện P cấp đổi cho Bà A.

- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí định giá tài sản, phần án phí dân sự sơ thẩm, quyền nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

*/- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/8/2017, Ông B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm định giá lại tài sản; và xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

*/- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/9/2017, Bà A có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

*/- Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu xác định về trình tự, thủ tục Tòa án thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần kháng cáo của Ông B và bác kháng cáo của Bà A.

*/- Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Ông B đưa ra bản luận cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Tại phiên tòa hôm nay, Bà A và Ông B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm. Xét kháng cáo của Bà A, ông B; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định có những sai sót về việc yêu cầu các đương sự nộp tiền tạm ứng án phí, thể thức trình bày văn bản không theo đúng quy định; do đó, đề nghị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định cần phải rút kinh nghiệm.

[2] Về tài sản chung của Bà A và Ông B:

[2.1] Đối với ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thửa đất số 45, tờ bản đồ 13, diện tích 103,5m² tọa lạc tại thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định): Bà A và ông B đều thống nhất là tài sản chung của vợ chồng.

Về giá trị ngôi nhà: Mặc dù ông B thống nhất giá trị ngôi nhà nói trên theo Biên bản định giá tài sản ngày 30/7/2015 nhưng Bà A không đồng ý và kháng cáo yêu cầu giữ nguyên giá trị của ngôi nhà (kể cả công trình phụ và hàng rào) là 143.579.902 đồng như Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên xử. Tuy nhiên, Bà A không có yêu cầu định giá lại tài sản và trong quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thực hiện việc định giá lại tài sản (nhà và

đất) theo yêu cầu của ông B, Bà A ngăn cản, không phối hợp; do đó, Hội đồng xét xử bác một phần yêu cầu kháng cáo của Bà A, vẫn giữ nguyên giá trị ngôi nhà (kể cả công trình phụ, tường rào) được xây dựng trên thửa đất số 45, tờ bản đồ 13, diện tích 103,5m² tọa lạc tại thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định là 170.059.900 đồng.

[2.2] Xét thửa đất số 85, tờ bản đồ số 13, diện tích thửa đất 100m² tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thửa đất số 45, tờ bản đồ 13, diện tích 103,5m² tọa lạc tại thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định) đã được UBND huyện P cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00678 ngày 26/4/2012:

Bà A và ông B đều thống nhất thừa nhận thửa đất nói trên có nguồn gốc là của vợ chồng Ông F, Bà G (cha mẹ ruột của Bà A).

Theo Bà A, thửa đất số 45, tờ bản đồ 13 tọa lạc tại thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định là của Ông F, Bà G cho riêng Bà A trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản riêng của Bà A và không được nhập chung vào tài sản chung của vợ chồng để tiến hành phân chia khi vợ chồng ly hôn.

Ông B nại rằng mặc dù Ông F, Bà G cho riêng Bà A thửa đất thửa đất số 45, tờ bản đồ 13 tọa lạc tại thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định nhưng trong quá trình chung sống, Bà A đã thống nhất để vợ chồng cùng xây dựng nhà trên thửa đất nói trên và khi tiến hành làm thủ tục cấp đổi lại sổ đỏ theo dự án VLAP thì Bà A cũng tự nguyện đăng ký thửa đất đứng tên hai vợ chồng là ông B, Bà A nên thửa đất số 45, tờ bản đồ 13 tọa lạc tại thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định là tài sản chung của hai vợ chồng và phân chia mỗi người ½ khi ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vào năm 2008, Bà A và ông B có vay của Ông F, Bà G số tiền 50.000.000 đồng để làm nhà ở trên thửa đất số 45, tờ bản đồ 13 tọa lạc tại thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định. Khi vợ chồng chưa phát sinh mâu thuẫn, Bà A đã tự nguyện đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên A, B khi Nhà nước tiến hành làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Bà A đã tự ý thay đổi đơn kê khai để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên A và đã được UBND huyện P cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00678 ngày 26/4/2012. Do đó, có cơ sở để xác định Bà A đã thể hiện ý chí nhập thửa đất nói trên vào khối tài sản chung của vợ chồng và thực tế Bà A, ông B đã làm nhà trên thửa đất nói trên.

Từ những căn cứ nói trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thửa đất số 45, tờ bản đồ 13, diện tích 103,5m² tọa lạc tại thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định là tài sản chung của Bà A, ông B là có căn cứ, đúng pháp luật; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận một phần kháng cáo của Bà A về việc yêu cầu công nhận thửa đất nói trên là tài sản riêng của Bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này là phù hợp.

Về giá trị thửa đất số 45, tờ bản đồ 13, diện tích 103,5m² tọa lạc tại thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định: Căn cứ Biên bản định giá tài sản ngày 27/4/2018, thì thửa đất nói trên có giá trị theo giá thị trường bình quân là 225.000.000 đồng. Mặc dù Bà A không đồng ý với giá trị thửa đất mà Hội đồng định giá đã định giá vì cho rằng thửa đất là tài sản riêng của Bà A nên không được định giá; ông B kháng cáo yêu cầu định giá lại thửa đất nói trên và đề nghị giá trị của thửa đất là 600.000.000 đồng nhưng không có căn cứ chứng minh. Do đó, trong trường hợp này, các đương sự đưa ra giá khác nhau và không thỏa thuận được giá tài sản, căn cứ quy định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã ra quyết định và thành lập Hội đồng định giá theo quy định và Hội đồng xét xử xác định thửa đất số 45, tờ bản đồ 13, diện tích 103,5m² tọa lạc tại thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định có giá trị là 225.000.000 đồng theo quyết định của Hội đồng định giá ngày 27/4/2018.

Về công sức đóng góp thửa đất số 45, tờ bản đồ 13, diện tích 103,5m² tọa lạc tại thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định phân chia cho Bà A nhận 2/3 giá trị thửa đất và ông B nhận 1/3 giá trị thửa đất là phù hợp vì thửa đất nói trên là tài sản riêng của Bà A được cha mẹ cho riêng và trong thời kỳ hôn nhân, Bà A tự nguyện nhập thửa đất nói trên vào tài sản chung của vợ chồng, xây dựng nhà ở từ năm 2008, sau khi bà A, ông B ly hôn thì Bà A là người quản lý, sử dụng thửa đất và có công trong việc làm tăng giá trị thửa đất. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét bác một phần kháng cáo của ông B về việc yêu cầu chia ½ giá trị thửa đất nói trên cho Bà A, ông B; giữ nguyên bản án phần này là phù hợp.

[2.3] Bà A, ông B thống nhất các tài sản khác có giá trị là 54.600.000 đồng (Theo Biên bản định giá tài sản ngày 13/3/2012); cụ thể như sau:

+ 01 xe mô tô loại xe đăm lên đời 86 mang biển kiểm soát 77-860AA: 3.000.000 đồng;

+ 01 xe mô tô hiệu AIRBLADE mang biển kiểm soát 77N2-7414: 29.000.000 đồng;

+ 01 xe mô tô hiệu WAVE mang biển kiểm soát 77M7- 7491: 9.000.000 đồng;

+ 01 bầu hơi bơm xe: 1.800.000 đồng;

+ 01 tủ lạnh hiệu SANYO: 1.600.000 đồng;

+ 01 máy giặt hiệu TOSHIBA: 1.500.000 đồng;

+ 01 máy tắm nóng lạnh hiệu SHEWER PLUS: 1.000.000 đồng;

+ 01 tủ kem hiệu FUNIKI: 1.000.000 đồng;

+ 01 tủ để chén, bình ly làm bằng gỗ tạp, có kính: 300.000 đồng;

+ 01 tủ kiểu làm bằng gỗ, có kính: 1.200.000 đồng;

- + 01 bộ bàn ghế gỗ gồm: 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế ngắn: 2.500.000 đồng;
- + 01 ti vi hiệu PANASONIC 21 inches: 700.000 đồng;
- + 01 hàng tạp hóa gồm mì tôm, nước ngọt, xà phòng...: 2.000.000 đồng;
- + dụng cụ đồ nghề ông B sửa xe Honda (Bà A, ông B thống nhất không còn giá trị);
- + 01 đầu âm ly hiệu PEACE và 01 đầu đĩa hiệu CALIF NICE (Bà A, ông B thống nhất không còn giá trị);
- + 01 màn hình máy vi tính hiệu SAMSUNG VÀ 01 đầu CPU hiệu ZIP (Bà A, ông B thống nhất không còn giá trị);
- + 01 máy bơm nước (Bà A, ông B thống nhất không còn giá trị).

[3] Về nợ chung của Bà A và ông B:

Ông B kháng cáo yêu cầu xem xét lại khoản nợ chung của vợ chồng, ông B không đồng ý với khoản nợ Ông F, Bà G 10 chỉ vàng y 9999 vì ông B không có mượn và nợ chị H 10.000.000 đồng vì khoản nợ này phát sinh khi vợ chồng ly thân, Bà A mượn để sử dụng riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền nợ bà Nguyệt 10.000.000 đồng phát sinh từ việc mua hàng tạp hóa của Chị H và hiện nay hàng tạp hóa được xác định là tài sản chung của vợ chồng nên số tiền nợ nói trên là nợ chung của vợ chồng. Đối với khoản nợ của Ông F, Bà G 10 chỉ vàng y 9999 thì tại bản khai ngày 22/2/2012, ông B tự khai “Trước đây cất nhà, có mượn cha mẹ vợ là 50.000.000 đồng. Viết bằng chữ là năm chục triệu với 1 cây vàng 4 số 9” và ông B đã gạch đi phần nợ tiền và ông B cũng ghi rõ gạch bỏ ở trên là do ông B gạch; ngoài ra, thực tế thì vợ chồng Bà A, ông B đã xây dựng nhà ở trong thời gian mượn tiền, vàng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định 02 khoản nợ nói trên là nợ chung của vợ chồng là có căn cứ và Hội đồng xét xử phúc thẩm xét bác một phần yêu cầu kháng cáo nói trên của ông B; xác định nợ chung của bà A, ông B trong thời kỳ hôn nhân bao gồm:

- Nợ Ông F và Bà G 50.000.000 đồng và 10 chỉ vàng y 9999 (tương đương với số tiền 83.200.000 đồng tại thời điểm ông B, Bà A thi hành án).
- Nợ chị H 10.000.000 đồng;
- Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện P 1.600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi vay từ ngày 10/02/2012 cho đến khi Bà A, ông B trả hết tiền nợ gốc (tương đương với số tiền 1.635.520 đồng bao gồm 1.600.000 đồng tiền gốc và 35.520 đồng tiền lãi vay tại thời điểm Bà A thi hành án).

[4] Do có sự thay đổi về giá trị tài sản do đương sự có yêu cầu định giá lại tài sản nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét sửa toàn bộ bản án sơ thẩm về việc phân chia tài sản chung và nợ chung của Bà A, Ông B cụ thể như sau:

[4.1] Tổng giá trị tài sản chung của Bà A, ông B là: 170.059.900 đồng + 225.000.000 đồng + 54.600.000 đồng = 449.660.000 đồng.

- Phần tài sản Bà A được hưởng có giá trị là: 170.059.900 đồng x $\frac{1}{2}$ + 225.000.000 đồng x $\frac{2}{3}$ + 54.600.000 đồng x $\frac{1}{2}$ = 262.330.000 đồng.

- Phần tài sản ông B được hưởng có giá trị là: 449.660.000 đồng - 262.330.000 đồng = 187.330.000 đồng.

Tổng số nợ chung của Bà A, ông B là: 83.200.000 đồng + 10.000.000 đồng + 1.635.520 đồng = 94.836.000 đồng; chia đều cho ông B, Bà A mỗi người phải chịu 47.418.000 đồng.

- Sau khi cân trừ tiền nợ, phần tài sản Bà A được hưởng có giá trị là: 262.330.000 đồng - 47.418.000 đồng = 214.912.000 đồng.

- Sau khi cân trừ tiền nợ, phần tài sản ông B được hưởng có giá trị là: 187.330.000 đồng - 47.418.000 đồng = 139.912.000 đồng.

[4.2] Giao cho Bà A được trọn quyền sở hữu:

- 01 ngôi nhà cùng toàn bộ các hạng mục xây dựng và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45, tờ bản đồ 13, diện tích 103,5m² (bao gồm 50m² đất ở và 53,5m² đất hàng năm khác) tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định có giá trị là 395.059.900 đồng.

- Các tài sản khác có tổng giá trị là 40.800.000 đồng; bao gồm:

+ 01 xe mô tô hiệu AIRBLADE mang biển kiểm soát 77N2-7414;

+ 01 tủ lạnh hiệu SANYO;

+ 01 máy giặt hiệu TOSHIBA;

+ 01 máy tắm nóng lạnh hiệu SHEWER PLUS;

+ 01 tủ kem hiệu FUNIKI;

+ 01 tủ để chén, bình ly làm bằng gỗ tạp, có kính;

+ 01 tủ kiểu làm bằng gỗ, có kính;

+ 01 bộ bàn ghế gỗ gồm: 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế ngắn;

+ 01 ti vi hiệu PANASONIC 21 inches;

+ 01 hàng tạp hóa gồm mì tôm, nước ngọt, xà phòng...;

+ 01 đầu âm ly hiệu PEACE và 01 đầu đĩa hiệu CALIF NICE;

+ 01 màn hình máy vi tính hiệu SAMSUNG VÀ 01 đầu CPU hiệu ZIP;

+ 01 máy bơm nước.

Các tài sản nói trên có tổng giá trị là: 435.859.900 đồng.

Bà A có nghĩa vụ phải trả cho:

- Chi H: 10.000.000 đồng (Bà A đã thi hành án xong);
- Ông F và Bà G: 19.200.000 đồng và 05 chỉ vàng y 9999; tương đương với số tiền 35.800.000 đồng (Bà A đã thi hành án xong).
- Ngân hàng chính sách xã hội huyện P 1.600.000 đồng tiền gốc và tiền lãi vay từ ngày 10/02/2012 cho đến khi Bà A, ông B trả hết tiền nợ gốc; tương đương với số tiền 1.635.520 đồng bao gồm 1.600.000 đồng tiền gốc và 35.520 đồng tiền lãi vay (Bà A đã thi hành án xong).

Tổng số tiền nợ Bà A có nghĩa vụ trả: 47.435.000 đồng.

Bà A có nghĩa vụ thối lại cho ông B giá trị tài sản chênh lệch là: 435.859.900 đồng - 47.435.000 đồng - 214.912.000 đồng = 173.512.900 đồng; được trừ 85.539.951 đồng mà Bà A đã nộp để đảm bảo thi hành án theo biên lai thu tiền số 003889 ngày 24/4/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P; còn lại, Bà A có nghĩa vụ thối lại cho ông B số tiền là 87.973.000 đồng.

[4.3] Giao cho Ông B được trọn quyền sở hữu các tài sản có tổng giá trị là 13.800.000 đồng; bao gồm:

- 01 xe mô tô loại xe đăm lên đời 86 mang biển kiểm soát 77-860AA;
- 01 xe mô tô hiệu WAVE mang biển kiểm soát 77M7- 7491;
- 01 bầu hơi bơm xe;
- Dụng cụ đồ nghề ông B sửa xe Honda.

Ông B có nghĩa vụ phải trả cho Ông F và Bà G: 30.800.000 đồng và 05 chỉ vàng y 9999; tương đương với số tiền 47.400.000 đồng (ông B đã thi hành án xong).

[5] Phần án phí và chi phí tố tụng:

[5.1] Về chi phí định giá tài sản: 12.000.000 đồng; Bà A đã nộp 1.500.000 đồng và Ông B đã nộp 10.500.000 đồng.

- Ông B phải chịu 6.000.000 đồng (đã nộp xong);
- Bà A phải chịu 6.000.000 đồng; được trừ 1.500.000 đồng tạm ứng chi phí định giá tài sản đã nộp và 250.000 đồng tiền Bà A đã nộp trong quá trình thi hành án; còn lại, Bà A có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông B số tiền là 4.250.000 đồng.

[5.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà A phải chịu 262.330.000 đồng x 5% = 13.116.500 đồng tiền án phí chia tài sản chung và 47.418.000 đồng x 5% = 2.370.900 đồng tiền án phí trả nợ chung; tổng cộng Bà A phải chịu 15.487.400 đồng; được trừ 2.477.248 đồng tiền án phí đã nộp theo Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (biên lai thu tiền số 00136 ngày 04/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định). Bà A còn phải nộp 13.010.152 đồng.

- Ông B phải chịu 187.330.000 đồng x 5% = 9.366.500 đồng án phí chia tài sản chung, 47.418.000 đồng x 5% = 2.370.900 đồng tiền án phí trả nợ chung và 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tổng cộng ông B phải chịu 12.037.400 đồng; được trừ 4.954.497 đồng tiền án phí đã nộp theo Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (biên lai thu tiền số 0045371 ngày 01/7/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định) và 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000319 ngày 02/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định. Ông B còn phải nộp 6.082.903 đồng.

[5.3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà A phải chịu 300.000 đồng; được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03290 ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định.

- Ông B không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03175 ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 33, 34, 37, 46, 59 Luật Hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông B; bác toàn bộ kháng cáo của Bà A. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Tuyên xử:

1.1. Giao cho Bà A được trọn quyền sở hữu:

- 01 ngôi nhà cùng toàn bộ các hạng mục xây dựng và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 45, tờ bản đồ 13, diện tích 103,5m² (bao gồm 50m² đất ở và 53,5m² đất hàng năm khác) tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

- Các tài sản khác; bao gồm:

- + 01 xe mô tô hiệu AIRBLADE mang biển kiểm soát 77N2-7414;
- + 01 tủ lạnh hiệu SANYO;
- + 01 máy giặt hiệu TOSHIBA;
- + 01 máy tắm nóng lạnh hiệu SHEWER PLUS;
- + 01 tủ kem hiệu FUNIKI;
- + 01 tủ để chén, bình ly làm bằng gỗ tạp, có kính;
- + 01 tủ kiểu làm bằng gỗ, có kính;
- + 01 bộ bàn ghế gỗ gồm: 01 bàn, 01 ghế dài, 02 ghế ngắn;
- + 01 ti vi hiệu PANASONIC 21 inches;
- + 01 hàng tạp hóa gồm mì tôm, nước ngọt, xà phòng...;
- + 01 đầu âm ly hiệu PEACE và 01 đầu đĩa hiệu CALIF NICE;
- + 01 màn hình máy vi tính hiệu SAMSUNG VÀ 01 đầu CPU hiệu ZIP;
- + 01 máy bơm nước.

1.2. Giao cho Ông B được trọn quyền sở hữu các tài sản sau:

- 01 xe mô tô loại xe đăm lên đời 86 mang biển kiểm soát 77-860AA;
- 01 xe mô tô hiệu WAVE mang biển kiểm soát 77M7- 7491;
- 01 bầu hơi bơm xe;
- Dụng cụ đồ nghề ông B sửa xe Honda.

1.3. Buộc Bà A có nghĩa vụ phải trả cho:

- Chị H số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) (Bà A đã thi hành án xong);

- Ông F và Bà G số tiền là 19.200.000 đồng (*Mười chín triệu hai trăm nghìn đồng*) và 05 (*Năm*) chỉ vàng y 9999 (Bà A đã thi hành án xong).

- Ngân hàng chính sách xã hội huyện P 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*) tiền gốc và tiền lãi vay từ ngày 10/02/2012 cho đến khi Bà A, ông B trả hết tiền nợ gốc (Bà A đã thi hành án xong).

- Bà A có nghĩa vụ phải thôi lại giá trị tài sản chênh lệch cho Ông B số tiền là 87.973.000 đồng (*Tám mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng*).

1.4. Ông B có nghĩa vụ phải trả cho Ông F và Bà G số tiền là 30.800.000 đồng (*Ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng*) và 05 (*Năm*) chỉ vàng y 9999 (Ông B đã thi hành án xong).

1.5. Bác yêu cầu khởi kiện của Ông B về việc yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00678 ngày 26/4/2012 do Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định thực hiện việc cấp đổi cho Bà A tại thửa đất số 45, tờ bản đồ 13 tọa lạc tại đS, thôn D, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định.

1.6. Tiếp tục tạm giữ số tiền 13.869.255 đồng (*Mười ba triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm năm mươi lăm đồng*) do Ông B không nhận trong quá trình thi hành án Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định theo Chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn do Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định đã gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh PT vào ngày 29/8/2014 và được giải quyết lại theo quy định của pháp luật về thi hành án.

2. Phần án phí, chi phí tố tụng:

2.1. Về chi phí định giá tài sản: 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

- Ông B phải chịu 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) (đã nộp xong);

- Bà A có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ông B số tiền là 4.250.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà A phải chịu 15.487.400 đồng; được trừ 2.477.248 đồng tiền án phí đã nộp theo Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (biên lai thu tiền số 00136 ngày 04/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định). Bà A còn phải nộp 13.010.152 đồng (*Mười ba triệu không trăm mười nghìn một trăm năm mươi hai đồng*).

- Ông B phải chịu 12.037.400 đồng; được trừ 4.954.497 đồng tiền án phí đã nộp theo Bản án hôn nhân gia đình phúc thẩm số 33/2012/HNGĐ-PT ngày 25/10/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (biên lai thu tiền số 0045371 ngày 01/7/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định) và 1.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000319 ngày 02/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định. Ông B còn phải nộp 6.082.903 đồng (*Sáu triệu không trăm tám mươi hai nghìn chín trăm lẻ ba đồng*).

2.3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*); được trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03290

ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định.

- Ông B không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông B 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 03175 ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Định.

3. Quyền nghĩa vụ thi hành án:

3.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3.2. “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

4. *Hiệu lực Bản án phúc thẩm*: “Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Xuân Hải